

Số: 3998 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 20 tháng 10 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ khôi phục sản xuất vụ đông 2017 - 2018**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Công văn số 810/CV-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá;

Căn cứ Quyết định số 4763/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2017 của tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 174/TTr-SNN&PTNT ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc đề nghị phê duyệt kinh phí hỗ trợ sản xuất vụ Đông năm 2017-2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kinh phí hỗ trợ khôi phục sản xuất vụ Đông 2017 – 2018 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, như sau:

**1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:**

Các hộ nông dân, Hợp tác xã, doanh nghiệp trực tiếp tham gia khôi phục sản xuất vụ Đông năm 2017 - 2018.

**2. Nội dung hỗ trợ**

**2.1. Hỗ trợ mua giống ngô, ớt, khoai tây:**

- Hỗ trợ kinh phí mua giống ngô sinh khối làm thức ăn chăn nuôi, ngô nếp, ngô rau, ngô ngọt các loại:

+ Diện tích: 5.000 ha, trong đó: ngô sinh khối làm thức ăn chăn nuôi 2.000 ha; ngô ngọt, ngô nếp, ngô rau: 3.000 ha.

+ Mức hỗ trợ: 900 nghìn đồng/ha.

+ Kinh phí hỗ trợ: 4.500 triệu đồng.

- Hỗ trợ kinh phí mua giống ớt:

- + Diện tích: 1.500 ha.
- + Mức hỗ trợ: 1,2 triệu đồng/ha.
- + Kinh phí hỗ trợ: 1.800 triệu đồng.
- Hỗ trợ kinh phí mua giống khoai tây:
- + Diện tích: 1.000 ha.
- + Mức hỗ trợ: 12 triệu đồng/ha.
- + Kinh phí hỗ trợ: 12.000 triệu đồng.
- Tổng kinh phí hỗ trợ: 18.300 triệu đồng (*Mười tám tỷ, ba trăm triệu đồng*).

*(Có phụ lục kèm theo)*

## **2.2 Hỗ trợ thuê đất thời vụ sản xuất vụ Đông:**

Đối tượng, điều kiện, định mức hỗ trợ tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 3447/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt kinh phí hỗ trợ sản xuất vụ Đông 2017 - 2018. Diện tích 480 ha, kinh phí hỗ trợ 3 triệu đồng/ha, kinh phí dự kiến 1.440 triệu đồng.

## **3. Nguồn kinh phí:**

- Kinh phí mua giống ngô, ớt, khoai tây: Từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2017.
- Kinh phí thuê đất sản xuất vụ Đông: Thực hiện theo Quyết định số 3447/QĐ-UBND, ngày 12/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt kinh phí hỗ trợ sản xuất vụ Đông 2017- 2018.

## **4. Phân bổ kinh phí hỗ trợ:**

- Tổng kinh phí hỗ trợ đợt 1: Tạm cấp 70% tổng kinh phí hỗ trợ mua giống ngô, khoai tây, ớt: 12.810 triệu đồng (Mười hai tỷ, tám trăm mười triệu đồng).
- Phần kinh phí còn thiếu so với thực tế sản xuất: sau khi Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nghiệm thu, tổng hợp kết quả thực hiện và nhu cầu kinh phí; Liên ngành: Nông nghiệp và PTNT - Tài chính tổng hợp trình Chủ tịch UBND tỉnh cấp bổ sung.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

6.1. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa thực hiện các thủ tục cấp kinh phí cho các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện.

6.2. Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính: Theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của ngành có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện tại các huyện, thị xã, thành phố; tổng hợp kết quả thực hiện và thẩm định quyết toán, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

### 6.3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

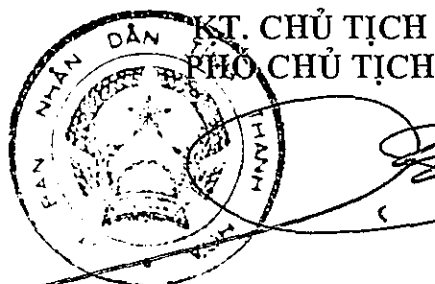
- Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ khi có Quyết định phê duyệt kinh phí và chỉ tiêu giao đúng quy định và đạt hiệu quả cao.
- Giao kế hoạch diện tích cụ thể cho từng xã, thị trấn; tổ chức, chỉ đạo thực hiện hoàn thành kế hoạch.
- Chỉ đạo, hướng dẫn nông dân thực hiện các biện pháp kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh,... để đạt năng suất, sản lượng và hiệu quả cao nhất.
- Tổ chức nghiệm thu kết quả sản xuất thực tế tại địa phương: Trước khi nghiệm thu phải công khai cụ thể danh sách hộ nông dân, tổ chức cá nhân được thụ hưởng chính sách và diện tích cây trồng được hỗ trợ tại nhà văn hóa thôn và trụ sở UBND xã, thông tin trên hệ thống truyền thanh xã; 05 ngày trước khi thu hoạch các cây trồng thuộc đối tượng được hỗ trợ phải hoàn thành việc nghiệm thu; hồ sơ nghiệm thu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phải có ý kiến xác nhận của Trưởng ban công tác mặt trận thôn, Chủ tịch Ủy ban MTTQ xã. Đồng thời gửi kết quả nghiệm thu và nhu cầu kinh phí về Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính.
- Tổ chức triển khai thực hiện, quản lý sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng đối tượng và thanh quyết toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

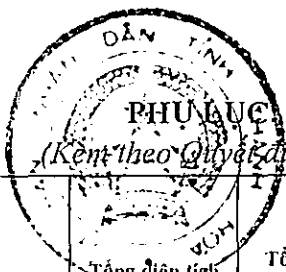
Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ (để t/h);
- Thường trực: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NN. (A401)



**Nguyễn Đức Quyền**



**PHỤ LỤC KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG NĂM 2017 - 2018**

(Kèm theo Quyết định số: 3998 /QĐ-UBND ngày 20 /10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

| STT            | Đơn vị      | <br>Tổng diện tích<br>(ha) | Tổng kinh<br>phí hỗ trợ<br>(triệu đồng) | Cây ngô          |                              |                                              |                                                                                        | Cây ổi            |                                                                        | Cây Khoai tây     |                                                                           | Kinh phí<br>tạm cấp đợt<br>này (70%) |
|----------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------|------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
|                |             |                                                                                                             |                                         | Ngô TACN<br>(ha) | Ngô nếp,<br>ngô ngọt<br>(ha) | Tổng diện tích<br>ngô để nghị hỗ<br>trợ (ha) | Kinh phí hỗ<br>trợ mua<br>giống; mức<br>hỗ trợ 0,9<br>triệu<br>đồng/ha<br>(triệu đồng) | Diện tích<br>(ha) | Kinh phí hỗ<br>trợ mua giống;<br>(mức 1,2<br>triệu/ha) (triệu<br>đồng) | Diện tích<br>(ha) | Kinh phí hỗ<br>trợ mua<br>giống; mức 12<br>triệu đồng/ha)<br>(triệu đồng) |                                      |
| Tổng toàn tỉnh |             | 7,500                                                                                                       | 18,300                                  | 2,000            | 3,000                        | 5,000                                        | 4,500                                                                                  | 1,500             | 1,800                                                                  | 1,000             | 12,000                                                                    | 12,810                               |
| 1              | Yên Định    | 1,610                                                                                                       | 2,604                                   | 300              | 700                          | 1,000                                        | 900                                                                                    | 520               | 624                                                                    | 90                | 1,080                                                                     | 1,823                                |
| 2              | Thiệu Hóa   | 235                                                                                                         | 1,455                                   |                  | 50                           | 50                                           | 45                                                                                     | 75                | 90                                                                     | 110               | 1,320                                                                     | 1,019                                |
| 3              | Thọ Xuân    | 1,730                                                                                                       | 2,727                                   | 480              | 950                          | 1,430                                        | 1,287                                                                                  | 200               | 240                                                                    | 100               | 1,200                                                                     | 1,909                                |
| 4              | Triệu Sơn   | 120                                                                                                         | 330                                     |                  | 100                          | 100                                          | 90                                                                                     |                   |                                                                        | 20                | 240                                                                       | 231                                  |
| 5              | Vĩnh Lộc    | 500                                                                                                         | 1,257                                   | 300              | 30                           | 330                                          | 297                                                                                    | 100               | 120                                                                    | 70                | 840                                                                       | 880                                  |
| 6              | Nông Cống   | 280                                                                                                         | 1,170                                   | 50               | 50                           | 100                                          | 90                                                                                     | 100               | 120                                                                    | 80                | 960                                                                       | 819                                  |
| 7              | Hậu Lộc     | 750                                                                                                         | 2,763                                   |                  | 270                          | 270                                          | 243                                                                                    | 300               | 360                                                                    | 180               | 2,160                                                                     | 1,934                                |
| 8              | Hoảng Hóa   | 440                                                                                                         | 2,196                                   |                  | 200                          | 200                                          | 180                                                                                    | 80                | 96                                                                     | 160               | 1,920                                                                     | 1,537                                |
| 9              | Quảng Xương | 240                                                                                                         | 783                                     |                  | 150                          | 150                                          | 135                                                                                    | 40                | 48                                                                     | 50                | 600                                                                       | 548                                  |
| 10             | Cẩm Thủy    | 140                                                                                                         | 243                                     | 80               | 30                           | 110                                          | 99                                                                                     | 20                | 24                                                                     | 10                | 120                                                                       | 170                                  |
| 11             | Thạch Thành | 360                                                                                                         | 324                                     | 310              | 50                           | 360                                          | 324                                                                                    |                   |                                                                        |                   |                                                                           | 227                                  |
| 12             | Tĩnh Gia    | 130                                                                                                         | 450                                     |                  | 100                          | 100                                          | 90                                                                                     |                   |                                                                        | 30                | 360                                                                       | 315                                  |
| 13             | Nga Sơn     | 80                                                                                                          | 960                                     |                  |                              |                                              |                                                                                        |                   |                                                                        | 80                | 960                                                                       | 672                                  |
| 14             | Ngọc Lặc    | 150                                                                                                         | 135                                     | 120              | 30                           | 150                                          | 135                                                                                    |                   |                                                                        |                   |                                                                           | 95                                   |
| 15             | Lạng Chánh  | 20                                                                                                          | 18                                      |                  | 20                           | 20                                           | 18                                                                                     |                   |                                                                        |                   |                                                                           | 13                                   |
| 16             | Thường Xuân | 340                                                                                                         | 528                                     | 200              | 120                          | 320                                          | 288                                                                                    |                   |                                                                        | 20                | 240                                                                       | 370                                  |
| 17             | Như Thanh   | 70                                                                                                          | 69                                      | 50               |                              | 50                                           | 45                                                                                     | 20                | 24                                                                     |                   |                                                                           | 48                                   |
| 18             | Như Xuân    | 90                                                                                                          | 81                                      | 90               |                              | 90                                           | 81                                                                                     |                   |                                                                        |                   |                                                                           | 57                                   |
| 19             | Bá Thước    | 20                                                                                                          | 18                                      | 20               |                              | 20                                           | 18                                                                                     |                   |                                                                        |                   |                                                                           | 13                                   |
| 20             | Đông Sơn    | 15                                                                                                          | 18                                      |                  |                              |                                              |                                                                                        | 15                | 18                                                                     |                   |                                                                           | 13                                   |
| 21             | TP Sầm Sơn  | 150                                                                                                         | 135                                     |                  | 150                          | 150                                          | 135                                                                                    |                   |                                                                        |                   |                                                                           | 95                                   |
| 22             | Hà Trung    | 30                                                                                                          | 36                                      |                  |                              |                                              |                                                                                        | 30                | 36                                                                     |                   |                                                                           | 25                                   |